

# NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

PGS. TS. NGUYỄN ĐỨC TRÍ\*

## 1. Một số điểm chung trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) các nước

Về cơ cấu khái quát nhất, hệ thống giáo dục (GD) các nước đều có 4 bậc cơ bản, đó là: trước tiểu học hay mầm non; GD tiểu học; GD trung học; GD đại học.

Bậc trung học được phân thành hai cấp sơ trung và cao trung. Đây là bậc hết sức quan trọng, tạo cơ sở để học sinh được định hướng phân luồng vào bậc cao hơn hoặc tham gia thị trường lao động, vì vậy có nhiều loại hình GD-ĐT và nhiều loại hình cơ sở GD trong hệ thống GD các nước... Ngày nay, ở phần lớn các nước, sau cấp sơ trung và sau cấp cao trung đều có nhiều loại hình trường được phân thành hai luồng chính, đó là *luồng hàn lâm* (academic stream) và *luồng công nghệ - khoa học ứng dụng* (technological-applied sciences) hay *nghề nghiệp - thực hành* (vocational/ professional - practical stream); giữa hai luồng có sự liên thông với nhau.

Hệ thống GDNN các nước được tiến hành ở bậc trung học, trình độ cao trung (ISCED 3) tại các trường dạy nghề và/hoặc các trường trung học phổ thông (THPT) và ở bậc sau trung học (ISCED 4) tại các trường cao đẳng (CĐ), trường bách nghệ (Polytechnics)... Với các chương trình 2 hoặc 3 năm (CĐ, bách nghệ...) để có văn bằng tốt nghiệp CĐ hoặc với các chương trình/khóa học đa dạng có thời gian đào tạo (ĐT) khác nhau dẫn tới các loại chứng chỉ. GDNN ở bậc trung học rất được quan tâm vì như UNESCO đã có nhận xét rằng sau trung học chỉ có một bộ phận thanh niên tiếp tục học lên, còn đa số bước vào cuộc sống lao động nghề nghiệp. Do đó, bậc trung học được đa dạng hóa với nhiều loại hình cơ sở GD-ĐT và chương trình ĐT nhằm cung ứng lực lượng lao động ở các trình độ khác nhau đáp ứng nhu cầu sử dụng và khả năng của người học. Nhìn chung, bậc trung học được chia thành hai luồng chính là GD phổ thông và GDNN. Giữa hai luồng này có thể có loại hình trung học tổng hợp, trong đó có cả các khóa học về GD phổ thông và GDNN. Luồng GDNN lại được chia thành các nhánh nhỏ hơn theo các cách khác nhau như GD kỹ thuật ĐT các kỹ thuật viên, nhân viên

chuyên nghiệp và GD nghề ĐT các lao động trực tiếp trong các lĩnh vực ngành nghề khác nhau, hoặc được chia thành GD công nghiệp; GD nông nghiệp; GD thương mại...

GD sau trung học (12 + n) là khu vực giao thoa giữa GDNN và GD đại học khá phức tạp, đa dạng về chương trình và cơ sở ĐT nhưng có một điểm chung là *gắn chặt với tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp đầu ra do phía sử dụng lao động* đòi hỏi. Thời gian *n* của hầu hết các chương trình sau trung học thường là 2 năm, một số là 3 năm. Các nước chú trọng thực hiện quan điểm học suốt đời, sự liên thông giữa các trình độ ĐT trong GDNN với GD đại học. Sự liên thông giữa các bậc học được thể hiện đặc biệt rõ nét trong hệ thống GDNN của Australia, hệ GDNN và hệ GD đại học có cao học và CĐ nâng cao, Hà Lan...

## 2. Đề xuất những định hướng điều chỉnh cần thiết về cơ cấu hệ thống GDNN Việt Nam trong giai đoạn tới

### 1) Điều chỉnh và thống nhất một số quan niệm

\* *Quan niệm về GDNN*. Dưới góc độ xem xét GDNN với tư cách là một hệ thống, một số tác giả hiểu theo nghĩa rộng cho rằng, GDNN bao gồm tất cả các cấp trình độ ĐT và sản phẩm của GDNN là tất cả các loại hình và trình độ lao động kỹ thuật đã qua ĐT, nhưng đa số hiểu GDNN theo nghĩa hẹp hơn, bao gồm các cấp trình độ ĐT dưới đại học.

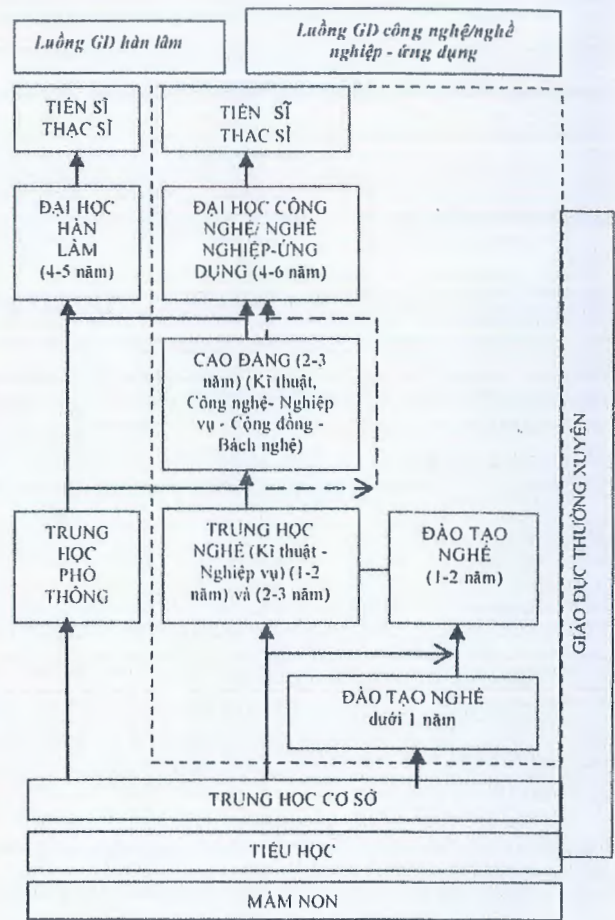
*GDNN là một phân hệ trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm ĐT ra những lao động kỹ thuật có kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp ở trình độ dưới đại học, có thể thực hiện được các công việc với các mức độ phức tạp, mức độ khó thấp và trung bình với các công nghệ khác nhau, phù hợp với ngành, nghề ở các cấp trình độ khác nhau, trực tiếp làm ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ.*

\* *Quan niệm về cơ cấu trình độ nghề quốc gia*. Nền KT-XH ở trình độ nhất định của một nước thể hiện trình độ khoa học - công nghệ và tổ chức lao

\* Viện Khoa học giáo dục Việt Nam



động xã hội cũng như trình độ văn hóa của nước đó, đòi hỏi một cơ cấu trình độ lao động tương ứng nhất định. Hiện nay, ở nước ta chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu sâu về nghề và về cơ cấu trình độ nghề quốc gia của lực lượng lao động, vì vậy chưa có cơ sở để xây dựng một cơ cấu trình độ nghề quốc gia phù hợp với nước ta. Tuy nhiên, để có thể làm căn cứ xây dựng cơ cấu trình độ ĐT nghề nghiệp thông qua việc bước đầu phản ánh được tương đối sát hợp trình độ của nền KT-XH nước ta, đồng thời đảm bảo cho việc hội nhập quốc tế được thuận lợi, theo chúng tôi, trước mắt chúng ta có thể sử dụng cơ cấu 5 bậc trình độ nghề với 5 chứng chỉ kỹ năng nghề tương ứng mà Bộ LĐ, TB&XH đã ban hành (xem *bảng 1*) kế thừa, bổ sung được khởi thảo liên quan đến cơ cấu trình độ sơ cấp và trung cấp của lực lượng lao động do "hệ thống ĐT kỹ thuật thực hành" cung cấp. Cơ cấu 5 bậc trình độ nghề này là cơ cấu phổ biến hơn cả ở các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời nó phù hợp với tình hình KT-XH và GD-ĐT nước ta hiện nay và trong thập kỷ tới. Mặc dù vậy, việc mô tả tiêu chuẩn khái quát cho từng cấp trình độ trong cơ cấu 5 bậc trình độ nghề quốc gia cần được tiếp tục xem xét điều chỉnh cho phù hợp, đồng thời cần phải phổ biến cho xã hội phân biệt rõ bản chất và phạm vi sử dụng của hai khái niệm: trình độ nghề quốc gia và trình độ ĐT trong hệ thống GD-ĐT.



Sơ đồ. Cơ cấu hệ thống GDNN trong hệ thống GD quốc dân (điều chỉnh)

**Bảng 1. Các bậc trình độ nghề (theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/3/2008 Ban hành Quyết định nguyên tắc, quy trình xây dựng**

Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
a) Làm được các công việc đơn giản và công việc của nghề có tính lặp lại	a) Làm được các công việc đơn giản, công việc có tính lặp lại và làm được một số công việc có tính phức tạp trong một số tình huống khác nhau nhưng cần có sự chỉ dẫn	a) Làm được phần lớn các công việc của nghề có tính phức tạp, công việc có sự lựa chọn khác nhau và có khả năng làm việc độc lập mà không cần có sự chỉ dẫn	a) Làm được hầu hết các công việc của nghề có tính phức tạp, công việc có nhiều sự lựa chọn trong các tình huống khác nhau và có khả năng làm việc độc lập, tự chủ cao	a) Làm được các công việc của nghề với mức độ linh thông, thành thạo và làm việc độc lập, tự chủ cao
b) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản ở phạm vi hẹp về hoạt động của nghề trong một số lĩnh vực; áp dụng được một số kiến thức nhất định khi thực hiện công việc	b) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản về hoạt động của nghề; áp dụng được một số kiến thức chuyên môn và có khả năng đưa ra được một số giải pháp để giải quyết vấn đề thông thường khi thực hiện công việc	b) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản về lý thuyết cơ sở, kiến thức chuyên môn của nghề; áp dụng được các kiến thức chuyên môn và có khả năng nhận biết để vận dụng các kiến thức để xử lý, giải quyết các vấn đề thông thường trong các tình huống khác nhau	b) Hiểu biết và có kiến thức rộng về lý thuyết cơ sở, kiến thức chuyên môn tương đối sâu trong một số lĩnh vực của nghề; có khả năng truyền tải và vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng để xử lý, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong các tình huống khác nhau	b) Hiểu biết rộng về lý thuyết cơ sở và sâu về kiến thức chuyên môn trong nhiều lĩnh vực của nghề; có kỹ năng phân tích, chẩn đoán, thiết kế, suy xét để giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật và yêu cầu quản lý trong phạm vi rộng
c) Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu, chịu một phần trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình.	c) Có khả năng suy xét, phân đoán và giải thích thông tin; có khả năng làm việc theo nhóm, trong một số trường hợp có khả năng làm việc độc lập và chịu phần lớn trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình	c) Có khả năng nhận biết, phân tích và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; có khả năng hướng dẫn người khác trong tổ, nhóm; chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình về chất lượng theo tiêu chuẩn quy định và chịu một phần trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của người khác trong tổ, nhóm	c) Biết phân tích, đánh giá thông tin và sử dụng kết quả phân tích đánh giá để đưa ra ý kiến, kiến nghị cho mục đích quản lý và nghiên cứu; có khả năng quản lý, điều hành được tổ, nhóm trong quá trình thực hiện công việc; tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm do mình đảm nhiệm về chất lượng theo tiêu chuẩn quy định và chịu trách nhiệm một phần đối với kết quả công việc, sản phẩm của tổ, nhóm	c) Biết phân tích, đánh giá thông tin và tổng quát hoá để đưa ra các quan điểm, sáng kiến của mình; quản lý, điều hành tổ, nhóm trong thực hiện công việc; tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm do mình đảm nhiệm về chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của tổ, nhóm theo tiêu chuẩn quy định và các thông số kỹ thuật



**2) Luồng GD công nghệ hay luồng GDNN - ứng dụng.** Trong khái niệm *luồng GD công nghệ hay luồng GDNN - ứng dụng* phạm vi trình độ ĐT được mở rộng hơn, một mặt đảm bảo thuận lợi cho việc ĐT nối tiếp, liên thông giữa GDNN và GD đại học, đồng thời phù hợp hoàn toàn với việc phát triển chương trình ĐT đại học theo hướng công nghệ hay hướng nghề nghiệp - ứng dụng mà Nghị quyết 14/CP về "Đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống GD đại học Việt Nam đến năm 2020" đó đề ra.

Việc xây dựng được *luồng GD công nghệ hay GDNN - ứng dụng* với mục tiêu và lộ trình hợp lí ở nước ta, đảm bảo được đúng bản chất của nó như ở nhiều nước trên thế giới sẽ có ý nghĩa lớn lao trong việc cải cách nền GD nước nhà góp phần đắc lực vào phát triển KT-XH đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

a) *Luồng GD công nghệ hay GDNN - ứng dụng:* Cơ cấu trình độ ĐT quốc gia bao hàm cơ cấu trình độ GDNN và GD đại học như sau: - GDNN bao gồm ba cấp trình độ ĐT và sẽ ĐT LĐKT có trình độ nghề từ bậc 1 đến bậc 4, trong đó: + *Trình độ ĐT nghề ngắn hạn* < 1 năm (thay vì sơ cấp nghề) ĐT LĐKT có trình độ nghề bậc 1 trở xuống; + *Trình độ trung học nghề hoặc/và ĐT nghề 1-2 năm* (thay vì trung cấp nghề) ĐT LĐKT có trình độ nghề bậc 2; + *Trình độ CĐ* nằm trong khu vực GD sau trung học (post-secondary education) sẽ được chia thành hai loại chương trình: *CĐ hệ 2 năm* ĐT LĐKT trình độ nghề bậc 3 (kỹ thuật viên) và *CĐ hệ 3 năm* ĐT LĐKT trình độ nghề bậc 4 (KTV cấp cao); - *GD đại học 4-6 năm* sẽ ĐT LĐKT có trình độ nghề bậc 5.

b) *Phân hóa GD trung cấp chuyên nghiệp và hợp nhất vào hai loại chương trình trung học nghề và CĐ:* Tùy theo lĩnh vực ngành nghề, các chương trình ĐT trung cấp chuyên nghiệp được điều chỉnh đưa vào chương trình trung học nghề hoặc nâng cấp, chuyển đổi thành chương trình CĐ 2 năm.

Trong "Quy hoạch mạng lưới các trường ĐH và CĐ giai đoạn 2006-2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 có đề ra việc "Nghiên cứu phát triển hệ CĐ 2 năm". Xu hướng chung trong những năm tới là chương trình ĐT của hầu hết các ngành nghề ĐT trung học chuyên nghiệp hiện nay sẽ được nâng cấp, chuyển đổi thành CĐ hệ 2 năm. Các cơ sở ĐT cao đẳng hệ 2 năm này sẽ chủ yếu là những trường trung cấp chuyên nghiệp hiện nay đủ điều kiện được nâng cấp, chuyển đổi thành trường CĐ hệ 2 năm trong hệ thống GDNN. Đó cũng là một giải pháp quan trọng

góp phần vào việc điều chỉnh cơ cấu hệ thống GDNN nước ta.

Đề án *Đổi mới căn bản và toàn diện GD đại học Việt Nam đến năm 2020* theo Nghị quyết 14/CP dự kiến xây dựng hệ thống chương trình ĐT đại học theo hai hướng chính: *hướng nghiên cứu - phát triển và hướng nghề nghiệp - ứng dụng*. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một công bố nào về những đặc điểm cũng như tiêu chí mà từng hướng này cần phải có.

*Những trình độ/chương trình ĐT và con đường liên thông chuyển tiếp trong luồng GD công nghệ hay GDNN - ứng dụng từ sau THPT:* - *Tốt nghiệp THPT vào các trường CĐ hoặc trường bích nghệ (Polytechnic).* Học sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT *khá hơn* sẽ học trong chương trình CĐ 3 năm để lấy bằng CĐ công nghệ, kỹ thuật hoặc nghiệp vụ hệ 3 năm tương tự như bằng Advanced Diploma của một số nước, ra có thể làm kỹ thuật viên cấp cao (trình độ nghề bậc 4); - Học sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT *bình thường* trở lên sẽ phải học trong chương trình 2 năm để lấy bằng CĐ hệ 2 năm ra có thể làm kỹ thuật viên (trình độ nghề bậc 3) tương tự như bằng Diploma ở Malaysia, Singapore, Hoa Kỳ, Australia... Trong số người tốt nghiệp CĐ hệ 2 năm, một số sẽ có thể làm kỹ thuật viên, còn phần đông có thể làm ở vị trí lao động trực tiếp vận hành, sản xuất như một công nhân.

\*\*\*

Trên đây là một số đề xuất giải quyết những vấn đề cấp bách về điều chỉnh cơ cấu hệ thống GDNN và cũng là cơ cấu hệ thống GD quốc dân nước ta trong thời gian tới. Trong quá trình hội nhập quốc tế, hệ thống GD quốc dân nói chung, phân hệ GDNN nói riêng, không thể biệt lập mà phải hội nhập với xu thế chung của khu vực và thế giới, đảm bảo được sự chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng về việc phê duyệt "Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020".
2. Bộ LĐ, TB và XH. Các bậc trình độ nghề (theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/3/2008 ban hành Quyết định nguyên tắc, quy trình xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia).
3. Nguyễn Đức Trí. "Nâng cấp, chuyển đổi hệ trung cấp chuyên nghiệp thành hệ cao đẳng 2 năm trong giáo dục nghề nghiệp". Tạp chí Khoa học giáo dục, số 50, tháng 12/2009.

(Xem tiếp trang 12)



Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài, cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội" (1). Trong điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội ta, việc thực hiện XHHGD phải được đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp, để trên cơ sở đó mà tổ chức phối hợp các hoạt động từ việc hỗ trợ, chăm sóc giáo dục có hiệu quả, đến việc xây dựng môi trường giáo dục thích hợp với hoàn cảnh của từng địa phương.

Hiện nay, việc huy động mọi lực lượng, các đoàn thể xã hội (Hội cha mẹ học sinh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Khuyến học...) tham gia hỗ trợ các hoạt động giáo dục, theo kinh nghiệm của các nhà trường thì tổ chức đại hội giáo dục cấp cơ sở là cách phát động tốt nhất, có sức động viên giáo dục, nâng cao ý thức toàn dân góp phần xây dựng và phát triển giáo dục. Kinh nghiệm này đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong hoàn cảnh hiện nay của chúng ta, đây được xem là một cách làm hữu hiệu, đang được tổ chức, hoàn thiện, coi như cơ chế chính thức của quá trình xã hội hoá giáo dục.

**4) Đổi mới cơ chế quản lí và chỉ đạo hoạt động XHHGD.** Thực tiễn giáo dục cho thấy, cần phải có một cơ chế quản lí và chỉ đạo hoạt động XHHGD trong các nhà trường cho phù hợp với điều kiện phát triển của xã hội hiện nay; trên cơ sở xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, tạo hành lang pháp lí cho việc huy động các lực lượng xã hội tham gia vào công tác XHHGD.

Trong giai đoạn hiện nay, việc thực hiện công tác XHHGD nhà trường còn gặp nhiều khó khăn như: bị ràng buộc bởi các văn bản quy định của ngành, các cấp chính quyền địa phương không mạnh dạn, chưa có một cơ chế thông thoáng dẫn đến gò bó nhà trường. Để thực hiện tốt công tác XHHGD, cần phải có các văn bản cập nhật tình hình thực tế, quy định mức thu chi trong các nhà trường phù hợp với xu hướng phát triển ngày càng cao của xã hội, tạo hành lang pháp lí cho nhà trường chủ động trong hoạt động và kêu gọi sự đầu tư đóng góp của nhân dân, các tổ chức xã hội đối với việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học của nhà trường, giúp nhà trường tháo gỡ những khó khăn khi mà nguồn

ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục còn hạn chế như hiện nay.

Cùng với xu hướng xã hội hoá, dân chủ hoá, đa dạng hoá giáo dục đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, việc đẩy mạnh công tác XHHGD trong hoàn cảnh của các nhà trường nước ta hiện nay là con đường thích hợp, phù hợp với truyền thống giáo dục của Việt Nam; đồng thời cũng là cách thức giúp chúng ta phát triển sự nghiệp giáo dục, hội nhập với nền giáo dục tiên tiến trên toàn thế giới, góp phần giải quyết nhiều khó khăn, tồn tại trong công tác giáo dục hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H 2011.
2. Luật Giáo dục. NXB Chính trị quốc gia, H 2005.
3. Nghị quyết số 05/CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về "Phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá".
4. Phạm Minh Hạc (chủ biên). Xã hội hoá công tác giáo dục. NXB Giáo dục, H 1997.
5. Viện Khoa học giáo dục. Xã hội hoá giáo dục. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.

#### SUMMARY

*Along with trends of socialization, democratization, diversification in the education on the whole world; the promotion of socialized education is appropriate, relevant to Vietnam's traditional education. It's also the method to help us in developing the education, to integrate into the advanced education on the world and contributed to resolve many difficulties and problems in the education.*

## Những định hướng điều chỉnh...

(Tiếp theo trang 6)

#### SUMMARY

*The author has presented some issues with the academic stream and technological-applied stream oder vocational/professional-practical stream. In post-secondary education (12+n) is very multiformed at training curriculums and training colleges, universities... The author have some ideas entwicklungt about the secondary technical-vocational schools, ónbesonders about technicale/professionale schools into vocationale schools and others technicale and professionale colleges.*